TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thôn;

2. Bà Trịnh Thị Sớm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh là Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2019/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn K, xã M, huyện A, Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phú H; trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phú H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của hai bên gia

đình và bạn bè nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh H tại thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh H không tu chí gia đình, không chịu lao động, chơi bời, sống không có tình cảm với chị. Năm 2012 anh H chơi bời nghiện ma túy, ảo giác nhiều lần đánh chị, chị về nhà bố đẻ ở thôn K, xã M, huyện A và sống ly thân với anh H từ năm 2013, hai bên không còn quan tâm đến nhau vì tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Phú H.

Về con chung: chị và anh H có hai con chung là Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2008 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2013. Hiện anh H nuôi 02 con, ly hôn chị đề nghị được nuôi con Nguyễn Phú T, chị nhường anh H nuôi con Nguyễn Phú Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh H không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Phú H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết việc chị L xin ly hôn, nuôi con nên không có lời khai của anh H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Phú H không đến Tòa án, không tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phú H là vợ chồng; về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao con Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2008 cho anh Nguyễn Phú H nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Phú T, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng; về tài sản chung, công nợ: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Phú H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tống Đ hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung vụ án:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phú H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 tại thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống chị L anh H xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không có chung quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, anh H chơi bời nghiện ma túy từ năm 2012 nên vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị L về nhà bố đẻ ở thôn K, xã M, huyện A từ năm 2013 và sống ly thân với anh H từ đó đến nay. Căn cứ vào các tài liệu xác minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xác định chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phú H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư L tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phú H.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phú H có hai con chung là Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2008 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2013. Chị L đề nghị được nuôi con Nguyễn Phú T nhường anh H nuôi con Nguyễn Phú Đ. Xét anh Nguyễn Phú H không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa nhưng thực tế từ khi chị L và anh H sống ly thân nhau (năm 2013) anh H là người nuôi hai con và có nơi ở ổn định cùng với bố mẹ anh H và được ông, bà hỗ trợ, chăm sóc chu đáo các cháu, chị L không cấp dưỡng nuôi các con; cháu Nguyễn Phú Đ trên 7 tuổi có đơn đề nghị được ở với anh H nhưng hiện nay điều kiện kinh tế của anh H khó khăn không có việc làm, không có thu nhập ổn định nuôi hai con. Chị L hiện có nơi ở ổn định cùng với bố đẻ chị và đi làm có thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử giao cho anh H nuôi con Nguyễn Phú Đ; giao cho chị

Nguyễn Thị L nuôi con Nguyễn Phú T là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và các điều 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Phú H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2008 cho anh Nguyễn Phú H nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Phú T, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017006 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Phú H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn